

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**Số: 07/THB/2024**

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:**

Tên tổ chức: **Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa**

Địa chỉ: Số 152, Quang Trung, Ngọc Trạo, TP Thanh Hóa

Điện thoại: 0237.3852503 Fax: 0237.3853270

E-mail: thb@biathanhhoa.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 2800791192

**II. Thông tin về sản phẩm**

1. Tên sản phẩm: **BIA TƯƠI THABREW**

2. Thành phần: Nước, Malt đại mạch, Gạo, hoa bia.

3. Độ cồn:  $4.8 \pm 0.4$  (%v/v)

4. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 1 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất (NSX) và hạn sử dụng (HSD) của sản phẩm được in trực tiếp dưới đáy keg.

5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Thể tích thực ở 20°C là 20 lít và 30 lít. Sản phẩm được chiết đựng trong keg inox.
- Chất liệu bao bì: Chất liệu và vật liệu tiếp xúc trực tiếp đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của bộ Y tế.

6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất): Không.

**III. Mẫu nhãn sản phẩm** Kèm theo mẫu nhãn chính thức được phê duyệt.

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:**

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo QCVN 6-3:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia đối với các sản phẩm đồ uống có cồn.



| TT | Tên chỉ tiêu                                         | Mức tối đa | Phương pháp thử |
|----|------------------------------------------------------|------------|-----------------|
| 1  | Hàm lượng Diacetyl, mg/l                             | 0.2        | TCVN 6058:1995  |
| 2  | Tổng số Vi sinh vật hiếu khí, CFU/ml                 | 1000       | TCVN 4884:2005  |
| 3  | Tổng số Cl.perfringens (Vi sinh vật yếm khí), CFU/ml | 0          | TCVN 4991:2005  |
| 4  | Coliforms, CFU/ml                                    | 0          | TCVN 6848:2007  |
| 5  | Tổng số vi khuẩn E.coli, CFU/ml                      | 0          | TCVN 6846:2007  |
| 6  | Tổng số vi khuẩn Strep.Feacal, CFU/ml                | 0          | TCVN 6189:1996  |
| 7  | Tổng số nấm men, nấm mốc, CFU/ml                     | 100        | TCVN 8275:2009  |

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Thanh Hóa, ngày 18 tháng 11 năm 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI-THANH HÓA**

**P. GIÁM ĐỐC**

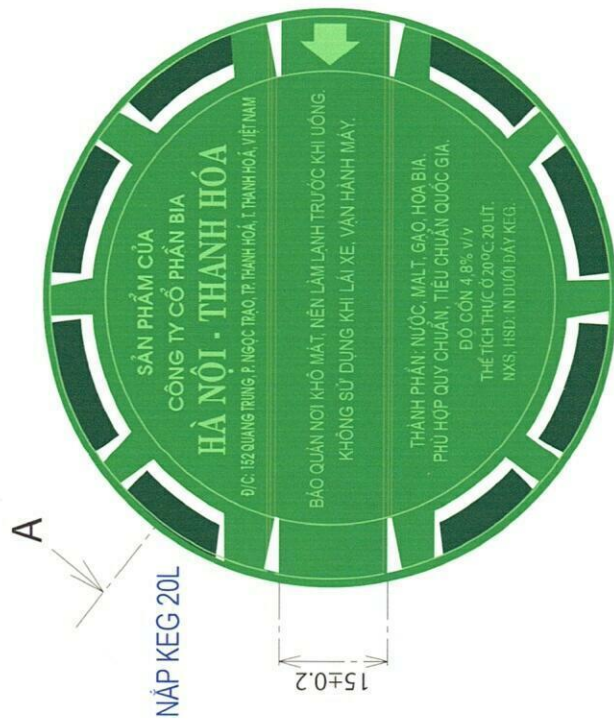


**ĐỖ TRƯỜNG GIANG**





MAKET NHÃN THABREW - KEG (BOX) 20 LÍT



|                                        |                  |                                        |
|----------------------------------------|------------------|----------------------------------------|
| CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI - THANH HÓA |                  | THANH HÓA, NGÀY 12 THÁNG 1 NĂM 2024    |
| PHÒNG TT - MAR                         | PHÒNG KTCN       | CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI - THANH HÓA |
|                                        |                  | CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI - THANH HÓA |
| Lê Xuân Dũng                           | Lê Thị Quế Trang | PHÓ GIÁM ĐỐC<br>Phùng Văn Quỳnh        |



**SỞ Y TẾ THANH HÓA**  
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM  
575 Quang Trung II - P. Đông Vệ - TP. Thanh Hóa  
ĐT: 02373.954.873



## PHIẾU PHÂN TÍCH

(Phiếu chỉ có giá trị với mẫu phân tích)

Số: 85.TP./2024

**Mẫu để phân tích:** Bia tươi THABREW.  
**Nơi sản xuất:** Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa - 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, TP. Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa.  
**Nơi gửi mẫu:** Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa - 152 Quang Trung, P. Ngọc Trạo, TP. Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa.  
**Người nhận mẫu:** DS. Nguyễn Thị Hải Linh  
**Yêu cầu KN (ghi rõ nội dung, số, ngày, tháng, năm của công văn hay giấy tờ kèm theo):**  
Phân tích chất lượng  
(Biên bản gửi mẫu của Trung tâm Kiểm nghiệm Thanh Hóa ngày 07/11/2024)  
**Ngày, tháng, năm nhận mẫu:** 07/11/2024 **Số đăng ký KN:** 57G/TP/85  
**Ngày bắt đầu thử nghiệm:** 08/11/2024; **Ngày kết thúc thử nghiệm:** 15/11/2024  
**Tài liệu thử:** TCVN 6057:2013 (Hoá lý) và QCVN 6-3:2010/BYT (Vi sinh)  
**Tình trạng mẫu khi nhận và mở niêm phong để phân tích:** Mẫu thử đóng trong chai nhựa, nắp kín.

| STT                                        | YÊU CẦU                                                                                              | PHƯƠNG PHÁP THỬ | KẾT QUẢ |
|--------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------|
| <b>1. Các chỉ tiêu cảm quan:</b>           |                                                                                                      |                 |         |
| 1.1                                        | <b>Trạng thái:</b> Chất lỏng, trong, không có tạp chất lạ.                                           | Cảm quan        | Đúng    |
| 1.2                                        | <b>Màu sắc:</b> Màu vàng đặc trưng tự nhiên của bia.                                                 | Cảm quan        | Đúng    |
| 1.3                                        | <b>Độ bọt:</b> Bọt trắng mịn, khi rót ra cốc có chiều cao ít nhất 1cm, độ bền của bọt trên 1 phút.   | Cảm quan        | Đúng    |
| 1.4                                        | <b>Mùi:</b> Thơm đặc trưng của bia sản xuất từ malt đại mạch và hoa Houblon, không mùi lạ.           | Cảm quan        | Đúng    |
| 1.5                                        | <b>Vị:</b> Đắng dịu, đậm đà đặc trưng của bia sản xuất từ malt đại mạch và hoa Houblon, không vị lạ. | Cảm quan        | Đúng    |
| <b>2. Các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:</b> |                                                                                                      |                 |         |



|                              |                                                                                  |                  |             |
|------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------|
| 2.1                          | Hàm lượng chất hòa tan ban đầu, tính theo % khối lượng ở 20°C.                   | TCVN 5565:1991   | 11,0%       |
| 2.2                          | Hàm lượng Ethanol, tính theo % thể tích ở 20°C.                                  | TCVN 5562:2009   | 4,80%       |
| 2.3                          | Hàm lượng CO <sub>2</sub> , tính theo g/l.                                       | TCVN 5563:2009   | 5,18 g/l    |
| 2.4                          | Độ axit, tính theo ml NaOH 0,1N trung hòa 10ml bia đã đuổi hết CO <sub>2</sub> . | TCVN 5564:2009   | 1,42 ml     |
| 2.5                          | Độ đắng (BU).                                                                    | TCVN 6059:2009   | 18,8 BU     |
| 2.6                          | Hàm lượng diacetyl (mg/l).                                                       | TCVN 6058:1995   | 0,11 mg/l   |
| 3. Chỉ tiêu kim loại nặng:   |                                                                                  |                  |             |
| 3.1                          | Hàm lượng Thiếc (Sn).                                                            | TCVN 7788:2007   | 17,2 mg/l   |
| 4. Các chỉ tiêu vi sinh vật: |                                                                                  |                  |             |
| 4.1                          | Tổng số vi khuẩn hiếu khí.                                                       | TCVN 4884-1:2015 | 08 CFU/ml   |
| 4.2                          | Coliforms.                                                                       | TCVN 6848:2007   | < 01 CFU/ml |
| 4.3                          | Cl. perfringens.                                                                 | TCVN 4991:2005   | < 01 CFU/ml |
| 4.4                          | E.coli.                                                                          | TCVN 7924-2:2008 | < 01 CFU/ml |
| 4.5                          | S. feacal.                                                                       | TCVN 6189-2:2009 | < 01 CFU/ml |
| 4.6                          | Tổng số nấm mốc, nấm men.                                                        | TCVN 8275-1:2010 | < 01 CFU/ml |

Thanh Hóa, ngày 15 tháng 11 năm 2024



*Nguyễn Trọng Thủy*